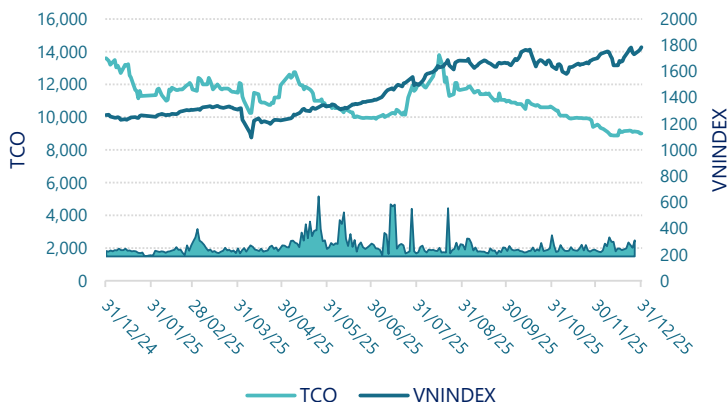




CTCP TCO Holdings (HSX: TCO)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,880
SL cổ phiếu LH	31,320,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	167,550
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	282
P/E	7.5
EPS	1,198

DT thuần

Q4/25

59.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼165 | -73.5%

YoY: ▼1,760 | -96.7%

LN sau thuế

Q4/25

0.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.40 | -69.7%

YoY: ▼4.16 | -96.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

10.6%

+/- YoY: ▲ 8.4%

DT thuần

2025

876

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,662 | -75.2%

LN sau thuế

2025

37.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.2 | 76.2%

ROE

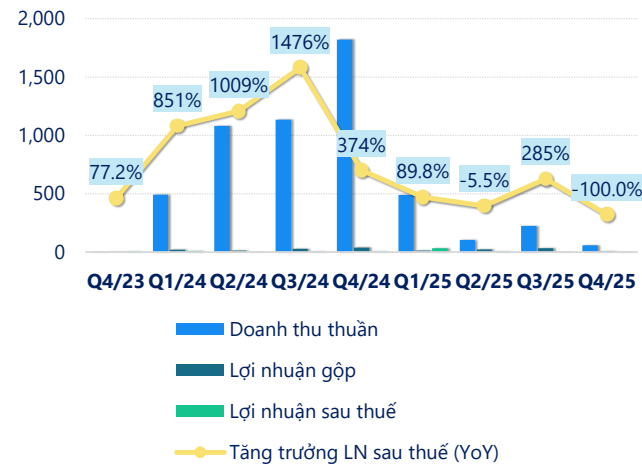
2025

10.6%

+/- YoY: ▲ 4.0%

tỷ VNĐ

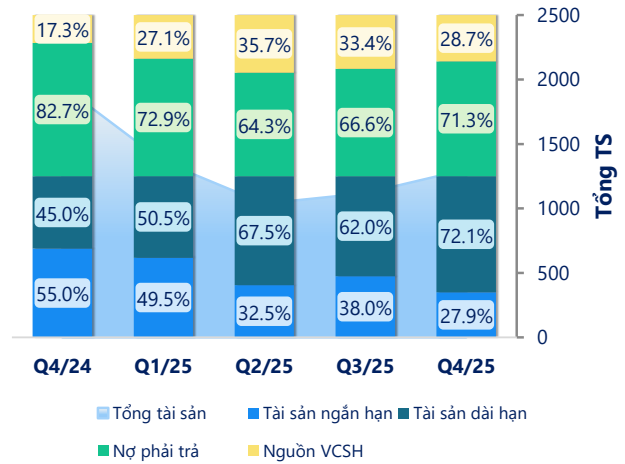
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

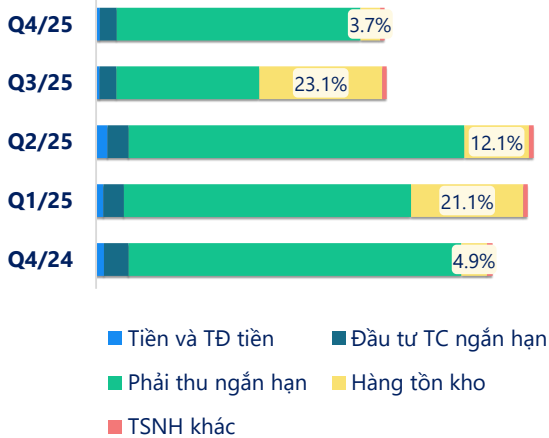
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



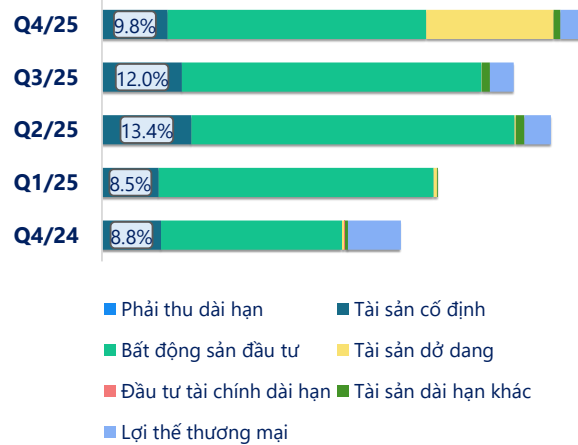
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

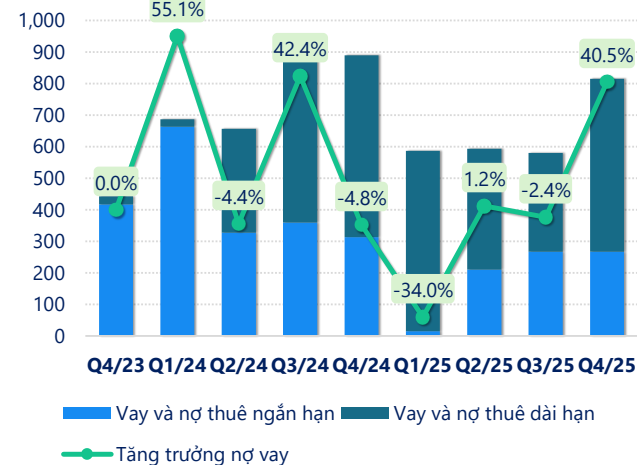
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

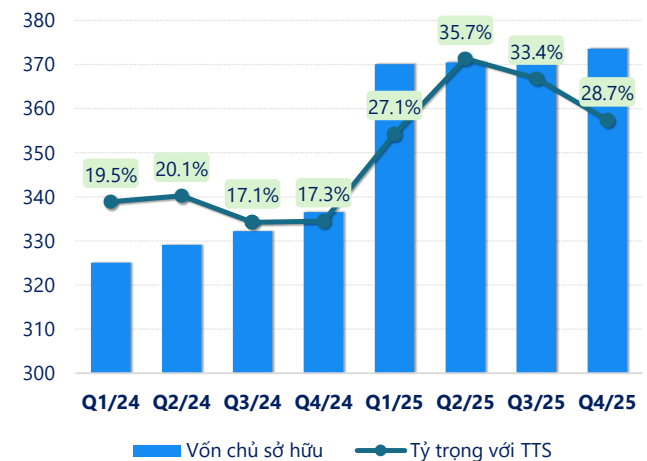
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

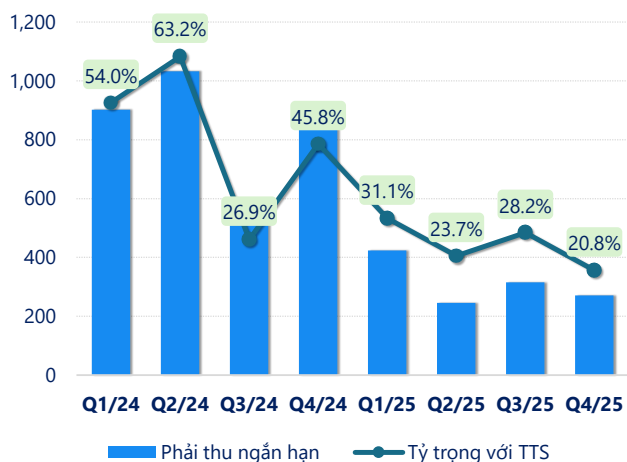
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



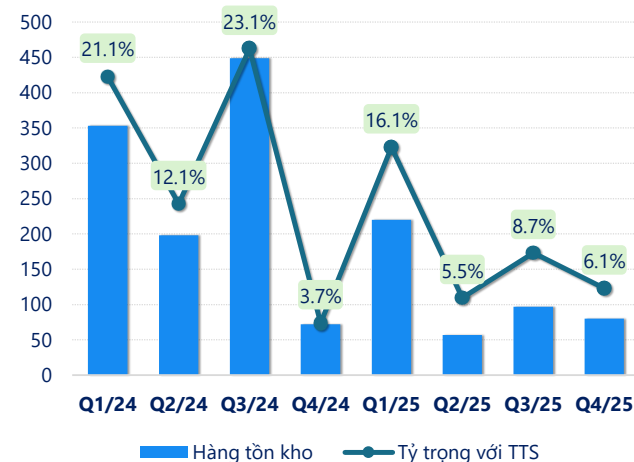
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


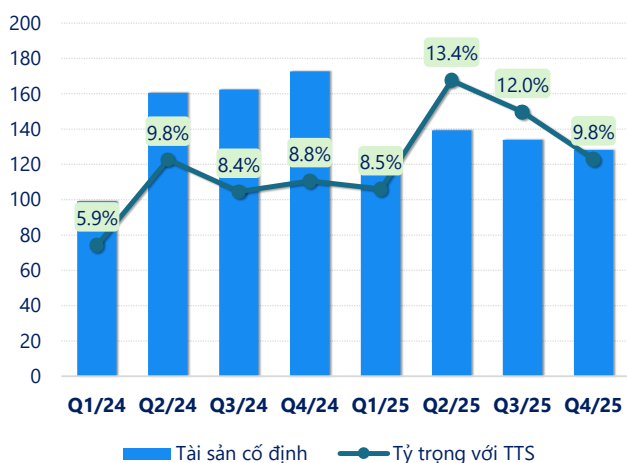
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


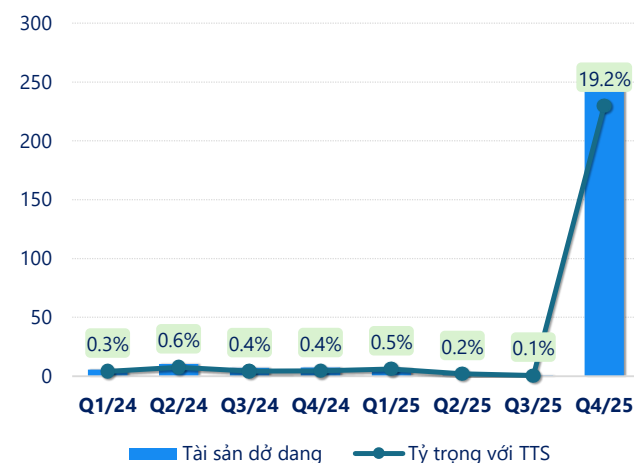
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

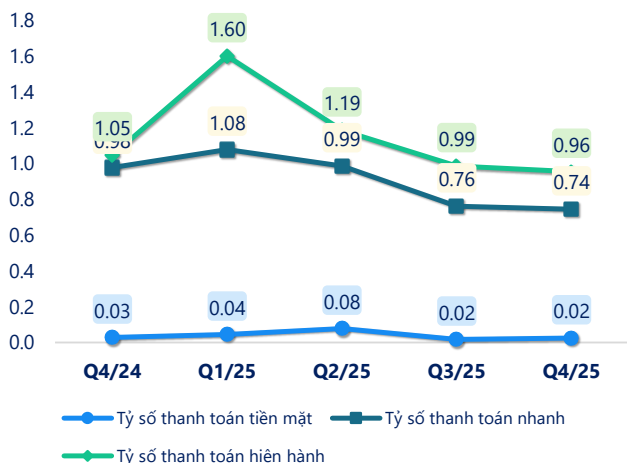
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

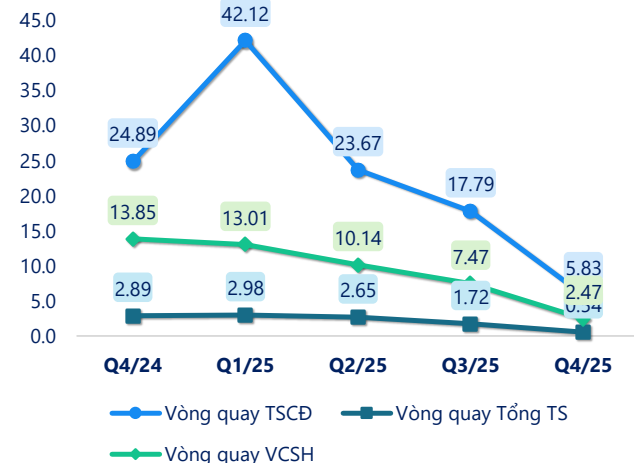
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,951	1,364	1,039	1,117	1,303
Tài sản ngắn hạn	1,073	674	337	425	364
Tiền và tương đương tiền	29.1	18.9	22.2	7.42	9.27
Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.0	5.10	5.10	0	0
Phải thu ngắn hạn	894	423	246	315	271
Hàng tồn kho	71.9	220	56.9	96.8	80.1
Tài sản ngắn hạn khác	16.3	6.90	7.26	5.38	4.14
Tài sản dài hạn	877	689	701	692	939
Phải thu dài hạn	0.56	0.51	0.51	0.51	0.51
Tài sản cố định	173	116	139	134	128
Bất động sản đầu tư	532	564	505	504	507
Tài sản dở dang	7.33	6.83	1.76	0.59	250
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.50	1.66	13.8	13.7	13.7
Lợi thế thương mại	156	0	41.1	40.0	40.0
Nợ phải trả	1,614	993	668	744	929
Nợ ngắn hạn	1,025	421	284	431	381
Vay và nợ thuê ngắn hạn	314	15.0	210	267	267
Phải trả người bán ngắn hạn	362	247	30.1	99.4	78.0
Nợ dài hạn	589	572	384	313	548
Vay và nợ thuê dài hạn	576	572	383	313	548
Nguồn vốn chủ sở hữu	337	370	371	373	374
Vốn chủ sở hữu	337	370	371	373	374
Vốn điều lệ	313	313	313	313	313
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)